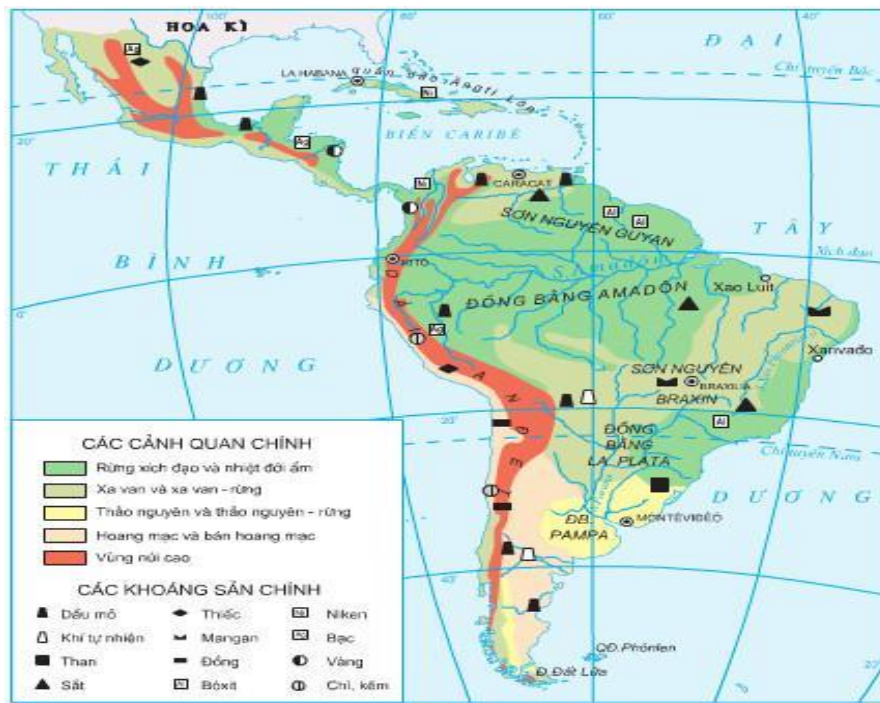


TIẾT 2 MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA MĨ LA TINH

Bài 1 Trang 15 Tập Bản Đồ Địa Lí: Dựa vào lược đồ trên và các trang 18, 19, 20 trong Tập bản đồ Thế giới và các châu lục, em hãy:

- (1) Kể tên những nước có tài nguyên khoáng sản
- (2) Kết hợp với hình 5.3 trong SGK, hãy nêu những cảnh quan điển hình của 4 nước có diện tích lớn nhất vào bảng dưới đây



Hình 5.3. Các cảnh quan và khoáng sản chính ở Mỹ La tinh

| Tên nước | Cảnh quan điển hình |
|----------|---------------------|
| | |

Lời giải :

- (1) Kể tên những nước có tài nguyên khoáng sản

+ Dầu mỏ và khí đốt: Vê nê зуê la, Mê hi cô, Pê ru, Chi Lê, Ac hen ti na.

- + Than đá: Chi Lê, Bra xin.
- + Sắt: Vê nê zuê la, Bra xin, Ac hen ti na.
- + Đồng: Chi Lê, Ac hen ti na.
- + Bô xít: Guyana, Xu ri nam.

(2) Kết hợp với hình 5.3 trong SGK, những cảnh quan điển hình của 4 nước có diện tích lớn nhất là:

| Tên nước | Cảnh quan điển hình |
|--------------|--|
| Bra xin | Rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm, xa van. |
| Mê hi cô | Xa van và xa van rừng, vùng núi cao. |
| Achentina | Thảo nguyên, hoang mạc và bán hoang mạc. |
| Cô lô m bi a | Rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm, vùng núi cao. |

Các loại tài nguyên khoáng sản và cảnh quan điển hình



Bài 2 Trang 16 Tập Bản Đồ Địa Lí: Dựa vào bảng 5.3 và nội dung SGK, em hãy:

- Cho biết nước có mức độ phân hóa giàu nghèo lớn nhất.
- Cho biết nước có mức độ phân hóa giàu nghèo nhỏ nhất.
- Nêu cách tính để có kết quả ở 2 ý trên.

| Quốc gia | GDP theo giá thực tế (tỉ USD) | Tỉ trọng GDP của 10% dân cư nghèo nhất | Tỉ trọng GDP của 10% dân cư giàu nhất |
|-----------|-------------------------------|--|---------------------------------------|
| Chi-lê | 75,5 | 1,2 | 47,0 |
| Ha-mai-ca | 8,0 | 2,7 | 30,3 |
| Mê-hi-cô | 581,3 | 1,0 | 43,1 |
| Pa-na-ma | 11,6 | 0,7 | 43,3 |

(1) Nước có mức độ phân hóa giàu nghèo lớn nhất là Chi-lê.

(2) Nước có mức độ phân hóa giàu nghèo nhỏ nhất là Ha mai ca

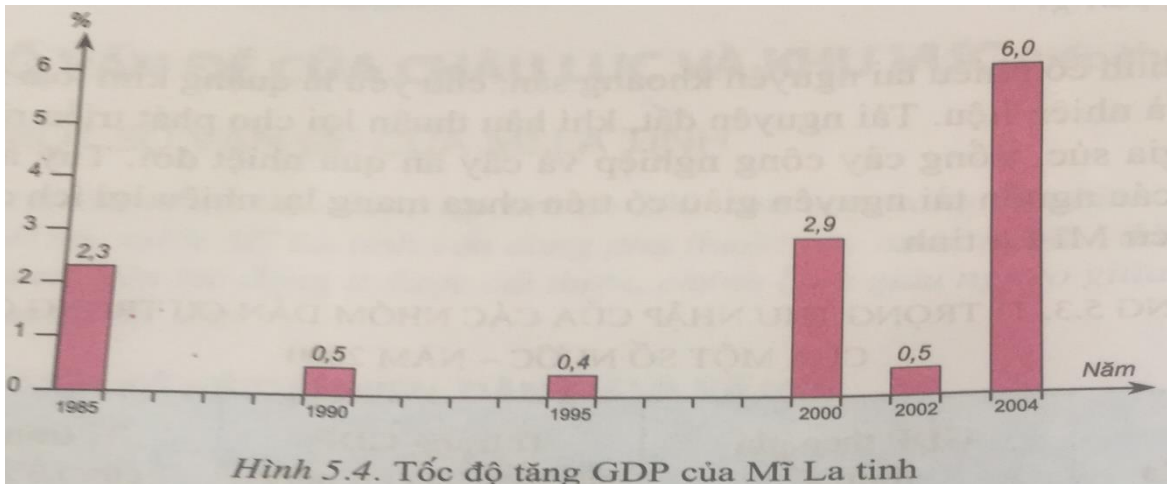
+ Mức độ phân hóa giàu nghèo thể hiện ở mức độ chênh lệch tỉ trọng thu nhập giữa 10% dân cư giàu nhất và 10% dân cư nghèo nhất, mức độ chênh lệch càng lớn thì phân hóa giàu nghèo càng cao.

+ Mức độ chênh lệch bằng hiệu số của tỉ trọng GDP 10% dân cư giàu nhất với tỉ trọng GDP 10% dân cư nghèo nhất.

Bức tranh thể hiện sự phân hóa giàu nghèo



Bài 3 Trang 16 Tập Bản Đồ Địa Lí: Dựa vào hình 5.4 trong SGK và hiểu biết của bản thân, em hãy nêu nhận xét chung về tốc độ tăng GDP của Mỹ La tinh, thời kì 1985 – 2004.



Lời giải:

- Các nước Mỹ La tinh có tốc độ phát triển kinh tế không đều, biến động qua từng thời kì.
- Giai đoạn 1985 – 1995 và giai đoạn 2000 – 2002 tốc độ tăng trưởng của Mỹ La tinh giảm mạnh, xuống rất thấp chỉ 0,4%(1995) và 0,5% (2002), tăng cao vào các năm 2000 là 2,9% và 2004 là 6%.
- Nguyên nhân sự biến động là do tình hình chính trị ở các nước không ổn định đã tác động mạnh tới sự phát triển kinh tế và nguồn đầu tư từ nước ngoài giảm sút.

Bài 4 Trang 16 Tập Bản Đồ Địa Lí: Dựa vào bảng 5.4 trong SGK, em có nhận xét gì về tình trạng nợ nước ngoài của một số nước Mỹ La tinh? Phân tích nguyên nhân chính của vấn đề này?

BẢNG 5.4. GDP VÀ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA MĨ LA TINH – NĂM 2004
(Đơn vị : tỉ USD)

| Quốc gia | GDP | Tổng số nợ | Quốc gia | GDP | Tổng số nợ |
|--------------|-------|------------|---------------|-------|------------|
| Ac-hen-ti-na | 151,5 | 158,0 | Mê-hi-cô | 676,5 | 149,9 |
| Bra-xin | 605,0 | 220,0 | Pa-na-ma | 13,8 | 8,8 |
| Chi-lê | 94,1 | 44,6 | Pa-ra-goay | 7,1 | 3,2 |
| Ê-cu-a-đo | 30,3 | 16,8 | Pê-ru | 68,6 | 29,8 |
| Ha-mai-ca | 8,0 | 6,0 | Vê-nê-xu-ê-la | 109,3 | 33,3 |

Lời giải:

- Các nước Mỹ La tinh có số nợ nước ngoài khá lớn.
- Nước có số nợ cao hơn tổng GDP như: Áchentina.
- Số nợ lớn nên những nước này có nền kinh tế phát triển chậm chạp, bị phụ thuộc nhiều vào nước ngoài, đặc biệt là Hoa Kỳ.
- Nguyên nhân do duy trì cơ cấu xã hội phong kiến, các thế lực bảo thủ của các tôn giáo cản trở sự phát triển của xã hội, chưa xây dựng được đường lối phát triển độc lập nên còn phụ thuộc nhiều vào tư bản nước ngoài.